

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

*“V/v Tranh chấp nam, nữ chung  
sống với nhau như vợ chồng mà  
không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

*Thành phần tiến hành xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm:*

- *Thẩm phán:* Ông Trần Văn Tấn;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022 về việc *“Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn Ng, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim S, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 23/9/2022 của nguyên đơn ông Đinh Văn Ng trình bày:* Vào năm 2001, do quen biết nên ông và bà Huỳnh Thị Kim S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. S ngày cưới về sống bên chồng tại ấp A, xã A, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến ngày 08/3/2022 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hay cự cãi, hai bên có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay nhận thấy giữa hai bên đã ly thân, không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà Huỳnh Thị Kim S là vợ chồng.

Về con chung: tên Huỳnh Trung Th, sinh ngày 15/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn người con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh ngày 26/6/2005 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 23/9/2022 bị đơn bà Huỳnh Thị Kim S trình bày:* Do quen biết nên bà và ông Đinh Văn Ng tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay nhận thấy giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà đồng ý với yêu cầu của ông Ng yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: tên Huỳnh Trung Th, sinh ngày 15/5/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn người con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh ngày 26/6/2005 tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, bên còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Huỳnh Thị Kim Ng có nguyện vọng được sống với mẹ là Huỳnh Thị Kim S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Thẩm phán nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Do nguyên đơn ông Đinh Văn Ng và bị đơn bà Huỳnh Thị Kim S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn Ng và bà Huỳnh Thị Kim S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì giữa các bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau, việc này cả hai bên đều thừa nhận nên các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông, bà là vợ chồng. Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*”. Đối chiếu với trường hợp của ông Ng và bà S sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận ông Đinh Văn Ng và bà Huỳnh Thị Kim S là vợ chồng.

[3] Về con chung: tên Huỳnh Trung Th, sinh ngày 15/5/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Còn người con tên Huỳnh Thị Kim Ng, sinh ngày 26/6/2005 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà S, bà S tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của con chưa thành niên được sống chung với mẹ là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông Đinh Văn Ng và bà Huỳnh Thị Kim S xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đinh Văn Ng là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 7, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 và các Điều 228; 238; 320; 321; 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Đinh Văn Ng và bà Huỳnh Thị Kim S là vợ chồng.
2. Về con chung: tên Huỳnh Trung Th, sinh ngày 15/5/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Còn người con tên Huỳnh

Thị Kim Ng, sinh ngày 26/6/2005 giao cho bà Huỳnh Thị Kim S (phù hợp nguyện vọng của cháu Ng được sống chung với mẹ là bà S) bà S tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ông Đinh Văn Ng và bà Huỳnh Thị Kim S xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đinh Văn Ng phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đinh Văn Ng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009792 ngày 23/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Đinh Văn Ng được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 07 ngày tính từ ngày Bản án được giao hoặc Bản án được niêm yết.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Trần Văn Tấn**